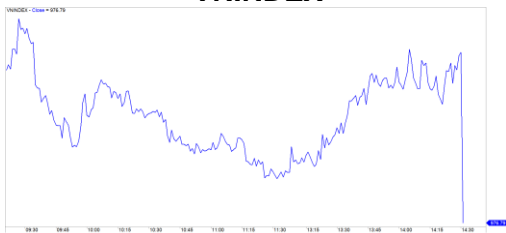


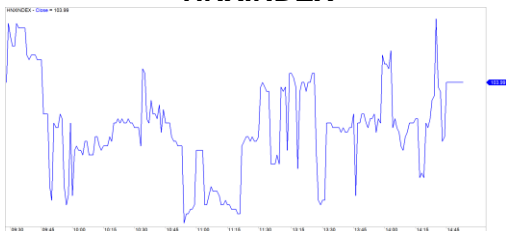
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	976.79	103.99	55.97
% ngày	0.05%	0.51%	-0.14%
% tuần	-3.13%	-1.42%	-1.84%
% tháng	-1.98%	-0.69%	-0.96%
% năm	6.05%	0.01%	7.41%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,252	278	139
TB 1 tuần	4,644	288	177
TB 1 tháng	4,480	384	238
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	822.75	2.73	15.38
Bán	1,019.70	11.01	12.23
Giá trị ròng	-196.95	-8.28	3.15
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	160	66	166
Mã Giảm	118	55	107
Không Đổi	110	248	630
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.96	9.11	17.39
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,336	188	960
LS Cổ tức	1.59%	4.90%	4.99%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục nhịp hồi phục nhưng giao dịch khá giằng co. VN-Index có lúc tăng hơn 5 điểm nhưng lực bán ở một số trụ lớn về cuối phiên khiến VN-Index quay về sát mốc tham chiếu. Chỉ số đóng cửa tăng nhẹ 0.05% dừng tại 976.79 điểm trong khi HNX-Index tăng khá hơn với mức tăng 0.51% chốt tại 103.99 điểm. Chỉ số Upcom-Index giảm nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt 3,600 tỷ tăng nhẹ so với phiên liền trước.

Nhóm Ngân hàng có sự hồi phục tích cực như VPB(+1.2%), MBB(+1.1%), BID(+0.8%), TCB(+0.6%), VCB(+0.2%) giúp thị trường hồi phục. HPG tăng 1.8% và đồ thị giá vẫn đang tạo nền tích lũy bên trên vùng hỗ trợ 21,000 đồng. MWG cũng hồi phục 1.3% nhưng cổ phiếu vẫn đang trong xu hướng giảm ngắn hạn sau khi giảm hơn 12% kể từ đỉnh tháng 10.2019. Một số trụ lớn bất ngờ suy yếu về cuối phiên như GAS(-1.1%), SAB(-1.3%), VIC(-0.7%) hay VHM chỉ còn tăng 0.1%. Nhóm cổ phiếu Small-Cap là điểm sáng khi giúp thị trường bớt ảm đạm có thể kể trên như HVG(+7%), JVC(+6.1%), CCL(+5.9%), VRC(+5%), HAX(+4.4%) trên HSX và TIG(+3.2%), MBG(+8.9%) trên HNX

Khối ngoại bán ròng mạnh 202 tỷ đồng tính chung cả ba sàn trong phiên hôm nay. VCB(37.2 tỷ), SSI(23.6 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VRE(16.5 tỷ), VNM(10.2 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục nhịp hồi phục trong phiên giao dịch kế tiếp và các chỉ số có thể sẽ kiểm định lại đường trung bình 100 ngày, tức là mức 989 điểm của chỉ số VN-Index và 104.3 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, chúng tôi vẫn đánh giá đây là các nhịp hồi phục kỹ thuật ngắn hạn và lực cầu vẫn còn yếu, đặc biệt rủi ro ngắn hạn vẫn còn ở mức cao. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức thấp cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn tiếp tục đứng ngoài.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 993.63 điểm của chỉ số VN-Index và 105.76 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và tiếp tục đứng ngoài thị trường.

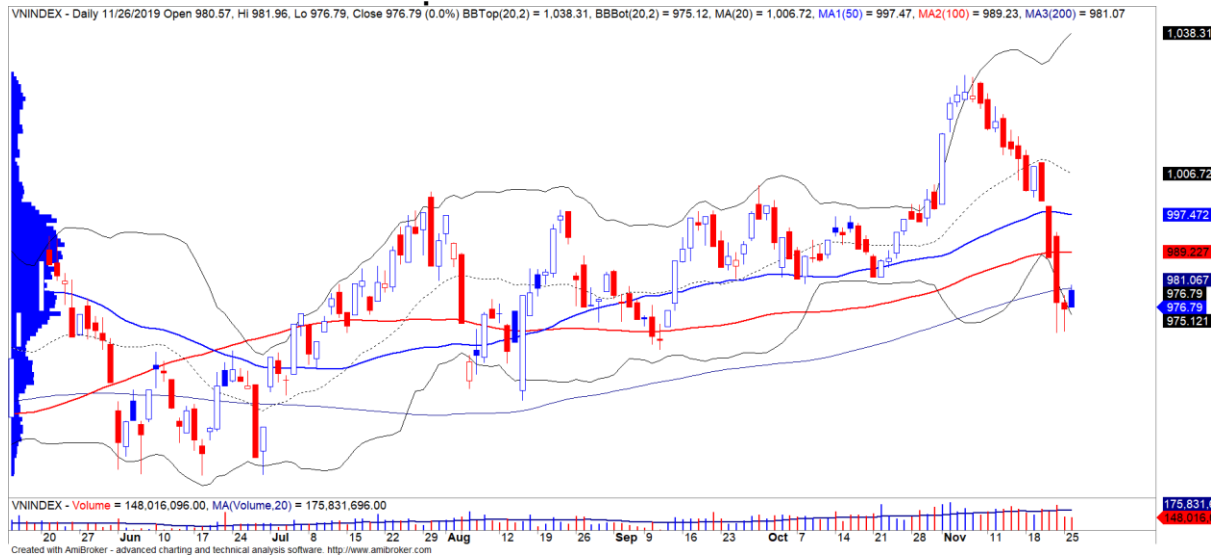
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 30% cổ phiếu/70% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

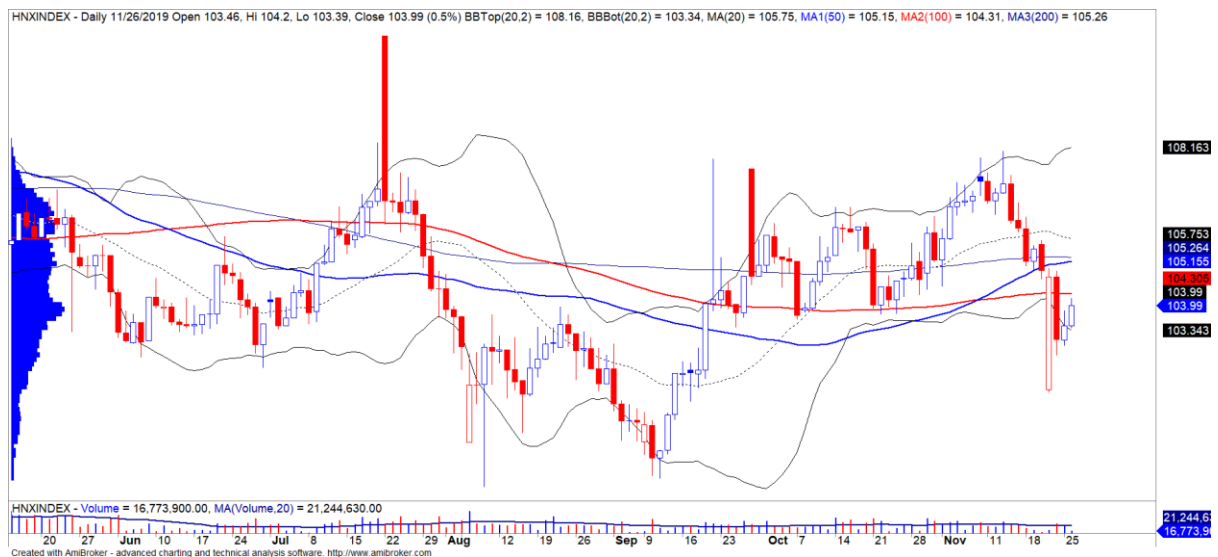


We Create Fortune

### BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.20	GIẢM	GIẢM		14.95				16.59		
ACB	23.60	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-1.67%	
ACV	75.50	GIẢM	GIẢM		77.84				82.57		
ANV	25.00	GIẢM	GIẢM		25.69				27.58		
ASM	6.49	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-3.13%			7.26		
BFC	14.70	GIẢM	GIẢM		15.02				16.18		
BID	40.00	GIẢM	TĂNG		41.77			33.40	38.49	19.76%	
BMP	52.50	GIẢM	TĂNG		54.71			48.30	48.32	8.70%	
BSR	9.60	GIẢM	GIẢM		10.26				10.51		
BVH	71.40	GIẢM	GIẢM		73.20				75.79		
BWE	23.20	GIẢM	GIẢM		24.55				26.99		
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.60				10.19		
CII	23.65	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-3.27%	
CMG	37.90	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	-2.57%		23.20	34.96	63.36%	
CMX	14.50	GIẢM	GIẢM		16.20				22.56		
CSM	14.50	GIẢM	TĂNG		14.82			14.39	14.22	0.76%	
CTD	66.70	GIẢM	GIẢM		71.41				82.73		
CTG	21.20	GIẢM	TĂNG		21.80			22.00	20.78	-3.64%	
CTR	47.70	TĂNG	N/A	46.50	47.38	2.58%		-	N/A		
CVT	21.45	GIẢM	TĂNG		22.36			20.35	21.01	5.41%	
DCM	6.87	GIẢM	GIẢM		7.06				7.68		
DGC	26.60	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-2.21%			28.91		
DGW	24.05	GIẢM	GIẢM		25.55			23.50	24.07	2.42%	
DHA	30.90	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-2.98%			32.52		
DHC	39.45	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.55%		37.70	34.64	4.64%	
DHG	94.50	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.20	GIẢM	TĂNG		13.88			13.90	13.14	-5.04%	BÁN
DPG	47.30	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	1.50%			50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.89			14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DPR	41.00	TĂNG	TĂNG	37.60	38.96	9.04%			40.40		
DQC	16.55	GIẢM	GIẢM		16.89				18.95		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.94%	
DXG	14.15	GIẢM	GIẢM		15.39			15.50	14.86	-4.11%	
EIB	17.25	GIẢM	TĂNG		18.24			18.40	16.46	-6.25%	
FCN	10.35	GIẢM	GIẢM		10.67				12.69		



We Create Fortune

FMC	27.05	GIẢM	TĂNG		27.43			31.60	26.18	-14.40%	
FPT	57.10	GIẢM	TĂNG		58.86			46.00	54.99	24.13%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		106.87				109.55		
GEX	20.35	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-5.35%			22.60		
GIL	18.80	GIẢM	GIẢM		20.08				22.73		
GMD	24.20	GIẢM	GIẢM		24.80			26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	20.55	GIẢM	TĂNG		21.10			15.00	18.98	37.00%	
GVR	13.80	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.83%			N/A		
HAG	3.91	GIẢM	GIẢM		4.12				4.59		
HAX	17.95	GIẢM	GIẢM		18.56				21.69		
HBC	11.15	GIẢM	GIẢM		11.61				13.78		
HCM	24.00	GIẢM	TĂNG		25.31			23.40	22.58	2.56%	
HDB	27.80	GIẢM	TĂNG		28.91			28.00	27.29	-0.71%	
HDC	22.50	GIẢM	TĂNG		23.45			15.25	20.25	47.54%	
HDG	34.00	GIẢM	TĂNG		34.77			35.30	32.61	-3.68%	
HNG	14.55	GIẢM	GIẢM		14.99				16.29		
HPG	22.65	GIẢM	GIẢM		22.95				23.82		
HSG	7.58	GIẢM	TĂNG		8.16			7.75	6.67	-2.19%	
HT1	14.40	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-14.79%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.61				36.93		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.90	14.89	3.36%		15.35	13.91	0.33%	
KDH	26.55	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.63%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02				20.51		
LCG	8.49	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	-0.70%			9.32		
LDG	8.35	GIẢM	GIẢM		9.61				11.59		
LHG	15.65	GIẢM	GIẢM	15.60	15.88	1.78%	BÁN		16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%			8.13		
MBB	22.65	GIẢM	TĂNG		23.04			21.85	21.83	3.66%	
MPC	18.50	GIẢM	GIẢM		21.18				26.81		
MSN	71.50	GIẢM	GIẢM		73.63				81.14		
MSR	14.80	GIẢM	GIẢM		15.56				17.20		
MWG	113.50	GIẢM	GIẢM		115.87			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NDN	16.50	GIẢM	TĂNG		17.01			13.70	16.27	20.44%	
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.30				6.45		
NLG	28.00	GIẢM	TĂNG		28.64			28.70	26.73	-2.44%	
NT2	22.80	GIẢM	GIẢM		23.31				24.51		
NTL	22.50	GIẢM	GIẢM		22.96				25.17		
NVL	56.50	GIẢM	GIẢM		59.19				62.67		

We Create Fortune

<b>OIL</b>	9.70	GIẢM	GIẢM		10.02			11.40		
<b>PAC</b>	26.60	GIẢM	GIẢM		27.15			29.71		
<b>PC1</b>	18.45	GIẢM	GIẢM		19.57		21.10	18.48	-12.42%	
<b>PDR</b>	25.90	GIẢM	TĂNG		26.30		29.00	25.01	-10.69%	
<b>PHR</b>	56.40	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-5.69%		65.37		
<b>PLX</b>	59.20	GIẢM	GIẢM		60.33			61.98		
<b>PNJ</b>	83.30	GIẢM	TĂNG		85.04		104.00	78.71	-19.90%	
<b>POW</b>	13.40	GIẢM	GIẢM		13.75			13.98		
<b>PVT</b>	17.15	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	-0.87%	18.30	16.28	-6.28%	
<b>PPC</b>	27.40	GIẢM	GIẢM		28.17			28.36		
<b>PTB</b>	73.00	GIẢM	TĂNG		74.99		64.00	68.51	14.06%	
<b>PVB</b>	19.00	GIẢM	TĂNG		19.72		20.10	18.62	-5.47%	
<b>PVD</b>	15.50	GIẢM	GIẢM		16.41		18.10	15.96	-11.80%	<b>BÁN</b>
<b>PVI</b>	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-3.92%		35.38		
<b>PVS</b>	17.80	GIẢM	GIẢM		18.70			20.75		
<b>PXS</b>	6.00	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	26.05%	6.20	4.83	-3.23%	
<b>QNS</b>	29.80	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	1.36%	33.80	27.86	-11.83%	
<b>REE</b>	36.50	GIẢM	TĂNG		37.94		33.33	35.23	9.53%	
<b>SAB</b>	230.00	GIẢM	GIẢM		248.68			270.96		
<b>SAM</b>	7.90	GIẢM	TĂNG		8.18		7.40	7.58	6.76%	
<b>SCR</b>	5.79	GIẢM	GIẢM		5.84			6.28		
<b>SHI</b>	8.90	GIẢM	TĂNG		9.39		6.99	8.30	27.32%	
<b>SJS</b>	16.95	TĂNG	TĂNG	15.30	15.74	10.78%		16.88		
<b>SKG</b>	11.00	GIẢM	GIẢM		11.33			11.70		
<b>SSI</b>	20.00	GIẢM	GIẢM		20.88			22.27		
<b>STB</b>	10.15	GIẢM	GIẢM		10.59			11.09		
<b>TCB</b>	23.45	GIẢM	TĂNG		24.09		22.65	23.03	3.53%	
<b>TCM</b>	19.75	GIẢM	GIẢM		20.58			24.25		
<b>TDH</b>	9.87	GIẢM	GIẢM		10.28			11.30		
<b>TLH</b>	4.45	TĂNG	TĂNG	4.06	4.09	9.61%		4.43		
<b>TNG</b>	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	13.87	1.32%		17.60		
<b>VCB</b>	84.70	GIẢM	TĂNG		88.36		62.00	84.02	36.61%	
<b>VCG</b>	27.20	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	0.74%	19.20	25.02	41.67%	
<b>VCS</b>	84.50	GIẢM	GIẢM		88.41			101.04		
<b>VGC</b>	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91			20.21		
<b>VGT</b>	8.30	GIẢM	GIẢM		8.57			9.37		
<b>VHC</b>	75.00	GIẢM	GIẢM		79.25			85.93		
<b>VHM</b>	93.30	GIẢM	TĂNG		97.34		90.20	89.66	3.44%	
<b>VIB</b>	17.30	GIẢM	TĂNG		17.85		17.70	16.56	-2.26%	



We Create Fortune

VIC	115.20	GIẢM	TĂNG		118.65			112.00	113.76	2.86%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.30		
VJC	143.30	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.80%		124.50	137.02	15.10%	
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	20.85	GIẢM	GIẢM		21.33			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VNM	123.00	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.45	GIẢM	GIẢM		21.00			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VPI	41.30	GIẢM	TĂNG		42.20			41.30	39.68	0.00%	
VRC	21.20	TĂNG	TĂNG	16.05	19.03	32.09%		17.30	15.59	22.54%	
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		35.55			35.05	32.08	-2.71%	
VSC	24.55	TĂNG	GIẢM	26.30	23.89	-6.65%			27.86		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.60	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-1.67%	
BID	40.00	GIẢM	TĂNG		41.77			33.40	38.49	19.76%	
BSR	9.60	GIẢM	GIẢM		10.26				10.51		
BVH	71.40	GIẢM	GIẢM		73.20				75.79		
CTG	21.20	GIẢM	TĂNG		21.80			22.00	20.78	-3.64%	
FPT	57.10	GIẢM	TĂNG		58.86			40.23	54.99	41.95%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		106.87				109.55		
GEX	20.35	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-5.35%			22.60		
GVR	13.80	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.83%			N/A		
HDB	27.80	GIẢM	TĂNG		28.91			28.00	27.29	-0.71%	
HNG	14.55	GIẢM	GIẢM		14.99				16.29		
HPG	22.65	GIẢM	GIẢM		22.95				23.82		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.61				36.93		
KDH	26.55	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.63%	
MBB	22.65	GIẢM	TĂNG		23.04			19.72	21.83	14.86%	
MSN	71.50	GIẢM	GIẢM		73.63				81.14		
MWG	113.50	GIẢM	GIẢM		115.87			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NVL	56.50	GIẢM	GIẢM		59.19				62.67		
OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.02				11.40		
PLX	59.20	GIẢM	GIẢM		60.33				61.98		
PNJ	83.30	GIẢM	TĂNG		85.04			77.07	78.71	8.08%	
POW	13.40	GIẢM	GIẢM		13.75				13.98		

We Create Fortune

QNS	29.80	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	1.36%		33.26	27.86	-10.39%	
REE	36.50	GIẢM	TĂNG		37.94			33.33	35.23	9.53%	
ROS	25.10	GIẢM	GIẢM		25.91				27.61		
SBT	18.50	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	5.71%	
SSI	20.00	GIẢM	GIẢM		20.88				22.27		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.59				11.09		
TCB	23.45	GIẢM	TĂNG		24.09			22.65	23.03	3.53%	
TPB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.38				23.94		
VCB	84.70	GIẢM	TĂNG		88.36			62.00	84.02	36.61%	
VCG	27.20	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	0.74%		18.44	25.02	47.50%	
VCS	84.50	GIẢM	GIẢM		88.41				101.04		
VEA	48.00	GIẢM	GIẢM		50.34				59.45		
VGI	28.00	GIẢM	N/A		30.03				N/A		
VHM	93.30	GIẢM	TĂNG		97.34			89.13	89.66	4.68%	
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.85			15.00	16.56	15.30%	
VIC	115.20	GIẢM	TĂNG		118.65			112.00	113.76	2.86%	
VJC	143.30	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.80%		124.50	137.02	15.10%	
VNM	123.00	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.45	GIẢM	GIẢM		21.00			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		35.55			35.05	32.08	-2.71%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.20	GIẢM	GIẢM		14.95				16.59		
ANV	25.00	GIẢM	GIẢM		25.69				27.58		
ASM	6.49	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-3.13%			7.26		
BMI	26.15	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-2.06%	
BMP	52.50	GIẢM	TĂNG		54.71			48.30	48.32	8.70%	
BWE	23.20	GIẢM	GIẢM		24.55				26.99		
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.60				10.19		
CII	23.65	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-3.27%	
CRE	24.15	GIẢM	GIẢM		24.74				25.69		
CTI	23.00	GIẢM	TĂNG		24.40			25.05	22.66	-8.18%	
CTR	47.70	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	2.58%			53.42		
D2D	82.60	GIẢM	TĂNG		85.73			83.10	72.16	-0.60%	
DBD	58.80	GIẢM	TĂNG		62.83			38.65	53.80	52.13%	

We Create Fortune

DCM	6.87	GIẢM	GIẢM		7.06			7.68			
DGW	24.05	GIẢM	GIẢM		25.55		23.04	24.07	4.47%		
DHC	39.45	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.55%	37.70	34.64	4.64%		
DIG	13.20	GIẢM	TĂNG		13.88		13.90	13.14	-5.04%	BÁN	
DPG	47.30	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	1.50%		50.61			
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.89		14.95	13.37	-10.57%	BÁN	
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49		21.60	21.72	6.94%		
DXG	14.15	GIẢM	GIẢM		15.39		15.50	14.86	-4.11%		
E1VFN30	14.98	GIẢM	TĂNG		15.23		15.26	14.84	-1.83%		
FCN	10.35	GIẢM	GIẢM		10.67			12.69			
FLC	4.50	TĂNG	TĂNG	4.61	4.16	-2.39%	4.63	4.02	-2.81%		
GEG	27.50	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-2.14%	12.50	25.32	119.96%		
GMD	24.20	GIẢM	GIẢM		24.80		26.91	24.57	-8.70%	BÁN	
GTN	20.55	GIẢM	TĂNG		21.10		15.00	18.98	37.00%		
HAG	3.91	GIẢM	GIẢM		4.12			4.59			
HBC	11.15	GIẢM	GIẢM		11.61			13.78			
HCM	24.00	GIẢM	TĂNG		25.31		23.40	22.58	2.56%		
HDC	22.50	GIẢM	TĂNG		23.45		15.25	20.25	47.54%		
HDG	34.00	GIẢM	TĂNG		34.77		35.30	32.61	-3.68%		
HPX	26.45	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.82%	35.30	#N/A	#N/A		
HSG	7.58	GIẢM	TĂNG		8.16		7.75	6.67	-2.19%		
HT1	14.40	GIẢM	TĂNG		15.08		16.90	13.91	-14.79%		
HTM	16.10	TĂNG	GIẢM	16.00	14.50	0.63%		18.47			
IBC	20.90	TĂNG	GIẢM	20.60	20.79	1.46%		21.22			
IDI	5.26	TĂNG	TĂNG	5.46	5.23	-3.66%	7.53	5.22	-30.15%		
IJC	15.55	TĂNG	TĂNG	16.15	15.25	-3.72%	13.10	13.74	18.70%		
ITA	3.05	GIẢM	TĂNG		3.17		3.20	2.96	-4.69%		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.90	14.89	3.36%	14.85	13.91	3.73%		
KDC	20.50	GIẢM	TĂNG		21.31		21.90	19.02	-6.39%		
KOS	27.90	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.10%	26.30	25.20	6.08%		
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02			20.51			
LDG	8.35	GIẢM	GIẢM		9.61			11.59			
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%		8.13			
MBG	45.10	TĂNG	TĂNG	45.10	42.34	0.00%	MUA	5.10	43.69	784.31%	BÁN
MBS	15.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.00	6.80%		15.75			
MPC	18.50	GIẢM	GIẢM		21.18			26.81			
NBB	20.60	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	-1.20%		22.02			
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.30			6.45			

We Create Fortune

NLG	28.00	GIẢM	TĂNG		28.64			26.28	26.73	6.54%	
NT2	22.80	GIẢM	GIẢM		23.31				24.51		
NTL	22.50	GIẢM	GIẢM		22.96				25.17		
NVB	9.00	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	18.42%		8.50	8.20	5.88%	
OGC	3.79	GIẢM	GIẢM		4.00				4.28		
PC1	18.45	GIẢM	GIẢM		19.57			19.30	18.48	-4.25%	
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.30			23.59	25.01	9.77%	
PHR	56.40	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-5.69%			65.37		
PPC	27.40	GIẢM	GIẢM		28.17				28.36		
PTB	73.00	GIẢM	TĂNG		74.99			60.78	68.51	20.11%	
PVD	15.50	GIẢM	GIẢM		16.41			18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-3.92%			35.38		
PVS	17.80	GIẢM	GIẢM		18.70				20.75		
PVT	17.15	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	-0.87%		17.31	16.28	-0.90%	
QCG	4.37	GIẢM	GIẢM		4.58				5.17		
SCR	5.79	GIẢM	GIẢM		5.84				6.28		
SGP	8.00	GIẢM	GIẢM		8.58				10.88		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.71				6.86		
SHS	8.10	GIẢM	TĂNG		8.51			8.40	7.36	-3.57%	
SZC	17.40	TĂNG	#N/A	18.15	17.25	-4.13%			#N/A		
TCH	27.90	TĂNG	TĂNG	23.30	25.78	19.74%		26.15	21.70	6.69%	
TCM	19.75	GIẢM	GIẢM		20.58				24.25		
TDH	9.87	GIẢM	GIẢM		10.28				11.30		
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	13.87	1.32%			17.60		
TTB	9.09	GIẢM	GIẢM		11.68				17.90		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91				20.21		
VGT	8.30	GIẢM	GIẢM		8.57				9.37		
VHC	75.00	GIẢM	GIẢM		79.25				85.93		
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	20.85	GIẢM	GIẢM		21.33			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VPI	41.30	GIẢM	TĂNG		42.20			41.30	39.68	0.00%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.80	GIẢM	GIẢM		9.06				10.06		
AGR	3.99	GIẢM	GIẢM		4.10				4.65		

We Create Fortune

AMD	1.74	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	-1.69%		1.70	1.44	2.35%	
APG	9.76	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	11.42%		9.90	8.56	-1.41%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25		
BCG	8.40	GIẢM	TĂNG		9.12			6.39	7.47	31.46%	
C4G	5.80	GIẢM	GIẢM		6.36				7.63		
C69	10.30	GIẢM	GIẢM		13.30				21.31		
CCL	7.20	TĂNG	GIẢM	6.80	6.10	5.88%			8.11		
CVT	21.45	GIẢM	TĂNG		22.36			20.35	21.01	5.41%	
DAH	9.65	GIẢM	GIẢM		9.97				11.48		
DLG	1.56	GIẢM	GIẢM		1.65				1.65		
DRH	4.45	GIẢM	GIẢM		4.97				6.06		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.28				14.65		
EVG	2.69	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.24%			2.90		
FIT	4.20	GIẢM	TĂNG		4.47			3.64	3.79	15.38%	
FTM	2.68	GIẢM	GIẢM		3.13				5.84		
FUES SV50	13.00	GIẢM	GIẢM		13.10			12.85	13.14	2.27%	BÁN
GKM	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	0.00%			15.54		
HAH	12.60	GIẢM	GIẢM		13.03				14.33		
HAI	2.17	TĂNG	TĂNG	1.69	2.14	28.40%		1.88	1.78	15.43%	
HAR	3.74	GIẢM	TĂNG		4.01			3.90	3.28	-4.10%	
HDA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.09				12.03		
HHP	11.90	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-2.46%			13.51		
HHS	3.07	GIẢM	TĂNG		3.16			3.36	2.94	-8.63%	
HID	2.34	GIẢM	TĂNG		2.48			2.63	2.16	-11.03%	
HII	10.25	GIẢM	GIẢM		10.64				12.28		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.08				1.21		
HSL	7.50	GIẢM	GIẢM		7.85				9.05		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	8.15	TĂNG	TĂNG	7.82	6.67	4.22%		3.90	6.00	108.97%	
HVH	17.25	GIẢM	GIẢM		17.87				20.94		
IDJ	7.30	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	1.39%	
JVC	4.35	TĂNG	GIẢM	4.35	4.32	0.00%	MUA		4.75		
KLF	1.20	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-14.29%			1.48		
LCG	8.49	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	-0.70%			9.32		
LGL	9.20	GIẢM	TĂNG		9.45			7.11	8.39	29.34%	
LHG	15.65	GIẢM	GIẢM	15.60	15.88	1.78%	BÁN		16.89		
LMH	12.40	GIẢM	#N/A		12.81				#N/A		
MST	4.30	TĂNG	TĂNG	3.80	3.84	13.16%		3.40	3.27	26.47%	

We Create Fortune

NDN	16.50	GIẢM	TĂNG		17.01			13.10	16.27	25.91%	
PHC	11.50	GIẢM	TĂNG		12.00			14.20	11.21	-19.01%	
PLP	10.00	GIẢM	GIẢM		10.49				11.85		
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.72			19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.68			6.70	6.66	10.45%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.39				1.50		
PXL	7.40	TĂNG	TĂNG	5.50	6.77	34.55%		6.70	5.45	10.45%	
SHI	8.90	GIẢM	TĂNG		9.39			5.77	8.30	54.38%	
SJF	2.23	GIẢM	GIẢM		2.46				2.79		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.31				2.90		
TDC	8.42	GIẢM	GIẢM		8.73			7.05	8.48	20.20%	
TIG	6.40	TĂNG	TĂNG	6.20	5.33	3.23%		3.20	4.54	100.00%	
TLH	4.45	TĂNG	TĂNG	4.06	4.09	9.61%			4.43		
TNA	22.30	TĂNG	TĂNG	13.70	20.43	62.77%		11.45	17.08	94.74%	
TNI	10.30	TĂNG	GIẢM	10.20	10.05	0.98%			10.89		
TSC	2.46	GIẢM	GIẢM		3.07			1.58	3.19	101.84%	BÁN
TTF	2.80	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-5.08%			3.21		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-10.34%			3.16		
TVC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.48			14.30	14.38	3.50%	
VC3	17.50	TĂNG	TĂNG	16.50	17.06	6.06%		22.00	16.32	-20.45%	
VCR	13.40	GIẢM	GIẢM		14.33				21.17		
VNA	4.10	GIẢM	TĂNG		4.47			4.70	3.92	-12.77%	
VNE	3.52	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	21.20	TĂNG	TĂNG	16.05	19.03	32.09%		17.30	15.59	22.54%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	976.79	0.05%
VN30	897.5	0.30%
VN Mid	949.88	0.13%
VN Small	781.06	0.53%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	103.99	0.51%
HN30	183.84	0.41%
VNX AllSh	865.32	0.23%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.97	-0.14%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	822.75	
Bán	1019.7	
GT rỗng	-196.95	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.73	
Bán	11.01	
GT rỗng	-8.28	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.38	
Bán	12.23	
GT rỗng	3.15	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	530	6.96%
VRC	1000	4.95%
DCL	850	4.42%
HAX	750	4.36%
FCN	430	4.33%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	3700	8.94%
TIG	200	3.23%
HHC	2000	1.98%
AMV	400	1.90%
L14	1100	1.90%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PXL	200	2.78%
SDI	600	0.53%
NTC	300	0.18%
VCP	100	0.15%
BSR	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPM	-450	-3.40%
LDG	-280	-3.24%
FRT	-900	-3.13%
VHC	-1700	-2.22%
VSC	-550	-2.19%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-100	-1.10%
VCG	-100	-0.37%
DGC	0	0.00%
HUT	0	0.00%
SHB	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	-4100	-7.87%
MPC	-900	-4.64%
C4G	-100	-1.69%
BOT	-200	-0.36%
VGI	-100	-0.36%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,129	
VCB	313,400	
VHM	312,175	
VNM	214,015	
GAS	197,328	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,762	
VCS	13,328	
VCG	12,059	
PVS	8,460	
SHB	7,700	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	164,420	
VGI	85,662	
VEA	69,193	
GVR	55,088	
MCH	50,435	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	30,715,810	29,121,478
VPB	9,111,040	4,096,442
HPG	8,352,683	7,437,249
GTN	7,180,690	3,031,101
FLC	6,598,360	13,578,395

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	3,427,069	3,104,865
AMV	2,997,179	453,727
HUT	1,495,407	1,317,227
NVB	1,220,507	2,228,750
PVS	1,208,626	1,672,529

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,263,205	2,212,375
T12	645,000	356,645
PXL	550,815	368,260
C4G	442,400	226,733
MPC	363,170	129,569

Nguồn: Bloomberg & YSVN

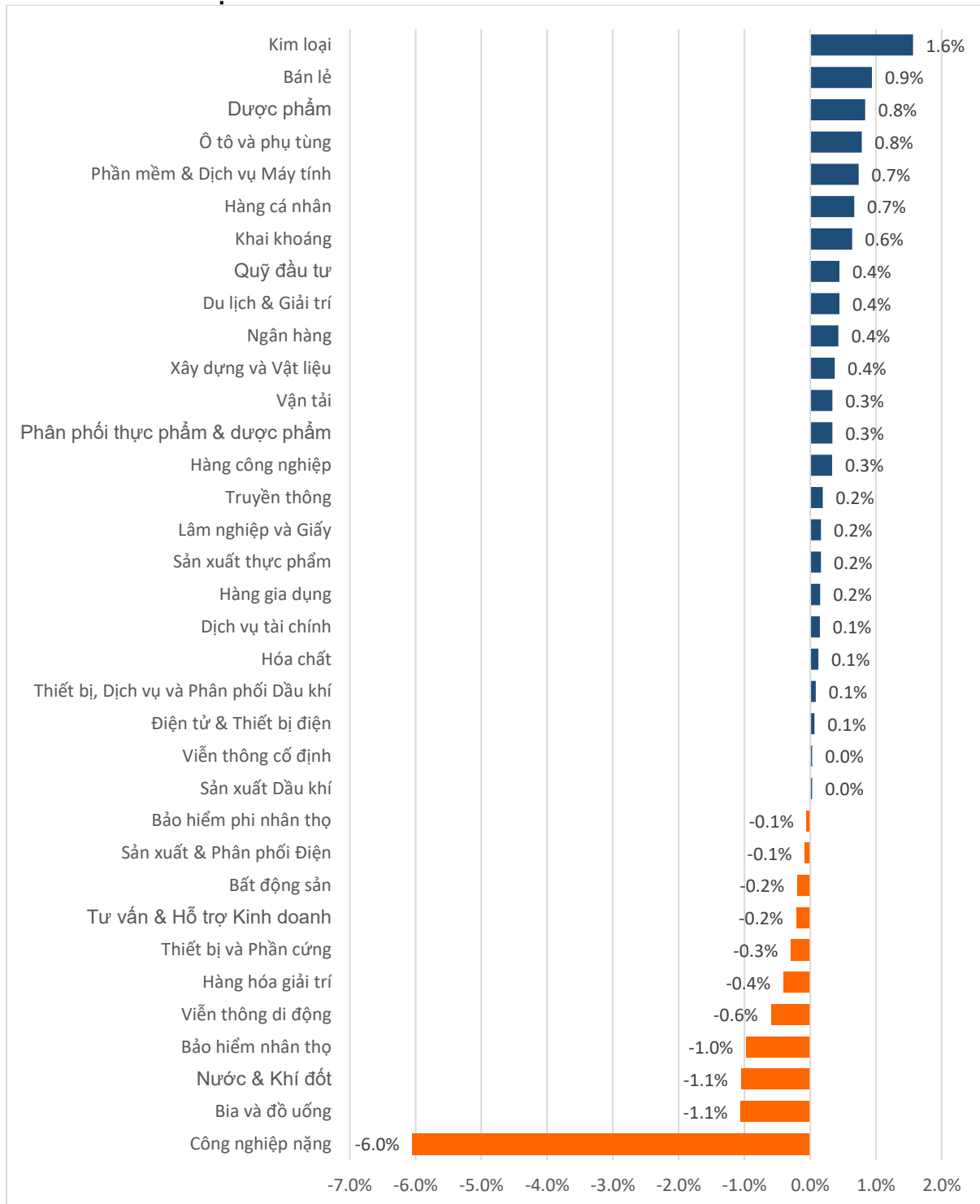
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



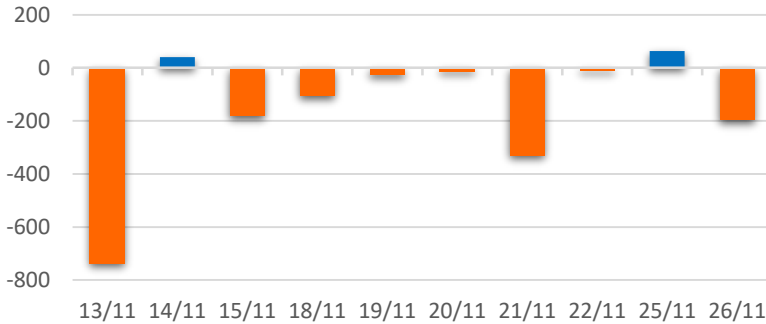
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

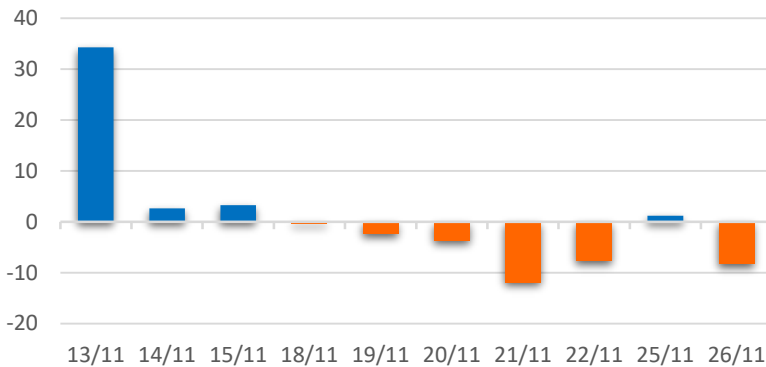
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	16,566	VCB	37,248
VNM	10,228	SSI	23,626
E1VFN30	5,438	VIC	16,918
HPG	4,635	STB	15,746
PLX	3,799	KDH	15,455

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

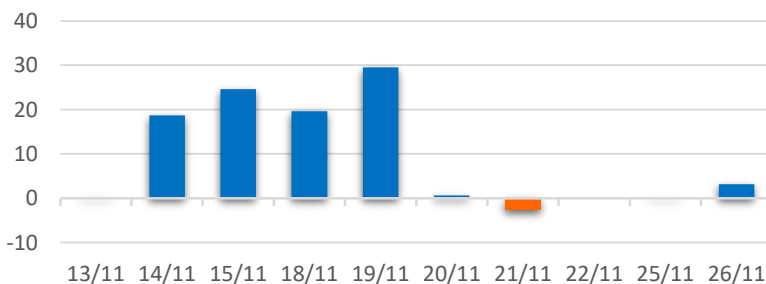
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	960	PVS	9,104
AMV	336	NTP	475
IDJ	186	TIG	132
CEO	83	PVI	121
SDT	79	DNP	92

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



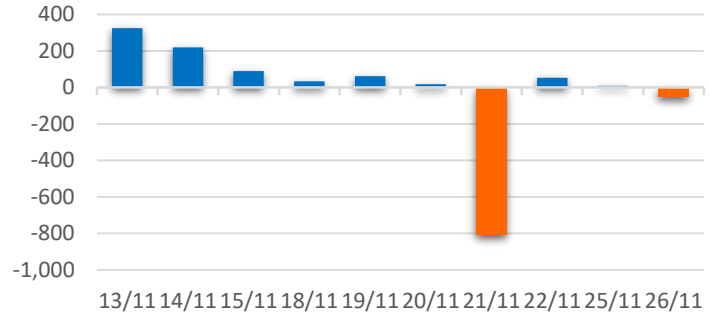
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

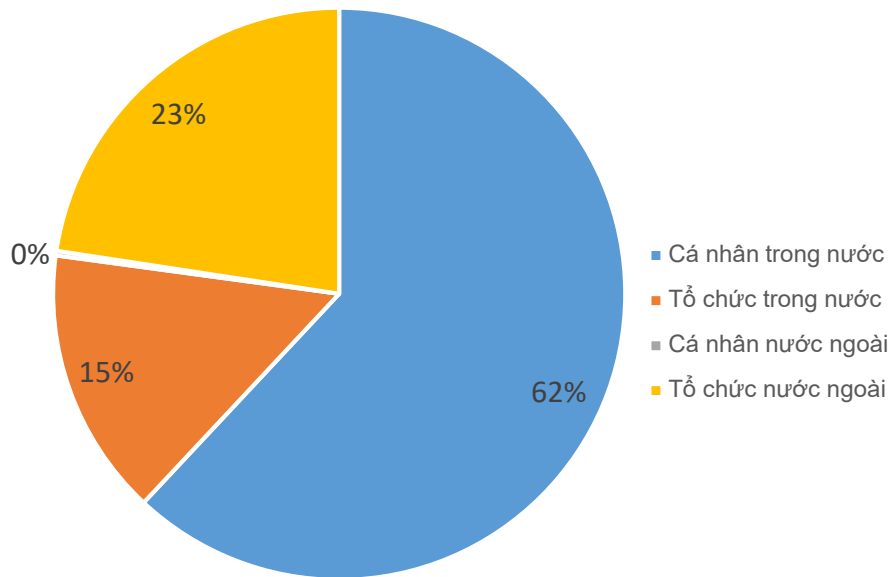
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MBB</b>	17,350	<b>MWG</b>	11,888
<b>KDH</b>	16,509	<b>MBB</b>	9,744
<b>HPG</b>	9,222	<b>TCO</b>	9,361
<b>VNM</b>	8,904	<b>HPG</b>	7,660
<b>FPT</b>	7,499	<b>E1VFN30</b>	5,864

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

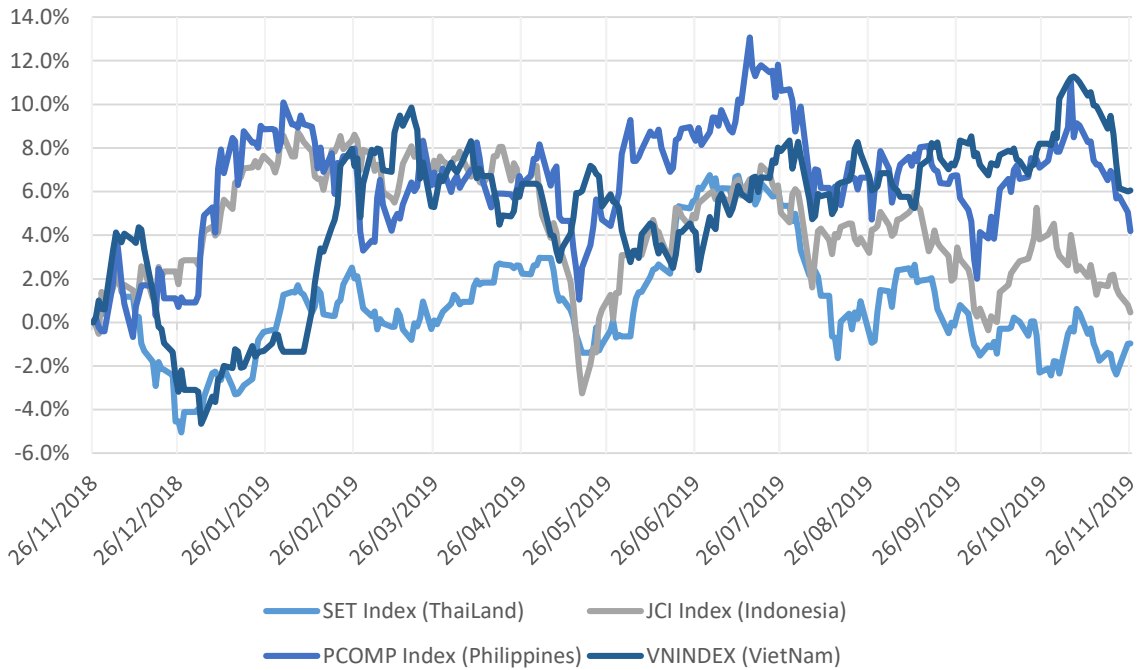


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

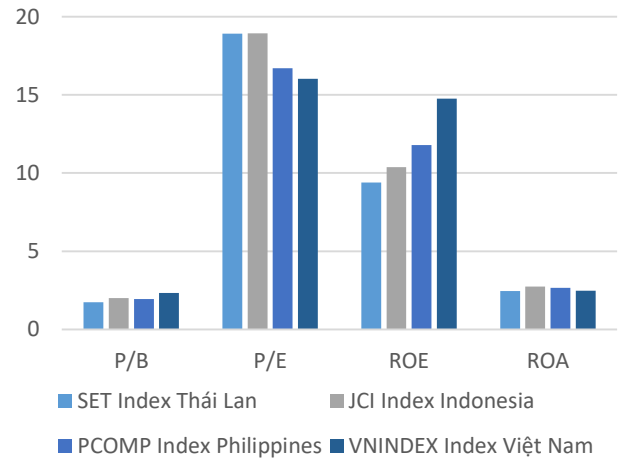
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.0x	1.9x	2.3x
P/E		18.9x	18.9x	16.7x	16.0x
ROE	%	9.39	10.38	11.79	14.75
ROA	%	2.46	2.73	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	560.25	497.57	190.56	143.49
GTGD	Triệu USD	1.35	0.32	0.08	0.13
LS cổ tức	%	3.09	2.49	1.67	2.09

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written